

CONSTRUCTING EXERCISES FOR READING COMPREHENSION OF POETIC TEXTS WITH SYMBOLIC AND SURREAL ELEMENTS IN GRADE 12 LITERATURE

Le Thi Hai Yen¹, Nguyen Phuong Mai*²

* Corresponding author
Email: mainp@vnies.edu.vn

¹ Email: haiyenk53spnv@gmail.com

Le Xoay High School
Vinh Tuong commune, Phu Tho province, Vietnam

² The Vietnam National Institute of Educational Sciences
101 Tran Hung Dao, Cua Nam ward, Hanoi, Vietnam

Received: 05/10/2025

Revised: 25/11/2025

Accepted: 15/02/2026

Published: 20/4/2026

Abstract: Poetry with symbolic and surreal elements is an important part of modern poetry worldwide and in Vietnam. In this language, images, and artistic structures not only reflect reality but also create another world - the world of symbols, subconscious, and irrational associations. Poetry with symbolic and surreal elements shows a tendency to innovate poetics, seeking beauty in the depths of the unconscious and the symbolic world. However, because of the characteristic of language rich in associations, non-linear structure, and multi-layered meaning, teaching and understanding this type of poetic text in high schools, especially in the General education curriculum for the Literature subject of grade 12, encounters many difficulties. On that basis, the article focuses on developing a system of exercises on reading comprehension of poetry with symbolic and surreal factors for 12th-grade students, with the desire to support teachers in the process of teaching reading comprehension of 12th-grade poetry texts, contributing to improving the effectiveness of teaching Literature in high schools in the current teaching context.

Keywords: Exercises, poetry, reading comprehension of poetic texts, symbol, surreality, Literature.

XÂY DỰNG BÀI TẬP ĐỌC HIỂU VĂN BẢN THƠ CÓ YẾU TỐ TƯỢNG TRUNG, SIÊU THỰC TRONG MÔN NGỮ VĂN LỚP 12

Lê Thị Hải Yến¹, Nguyễn Phương Mai*²

*Tác giả liên hệ
Email: mainp@vnies.edu.vn

¹ Email: haiyenk53spnv@gmail.com

Trường Trung học phổ thông Lê Xoay
Xã Vinh Tường, tỉnh Phú Thọ, Việt Nam

² Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam
101 Trần Hưng Đạo, phường Cửa Nam,
Hà Nội, Việt Nam

Nhận bài: 05/10/2025

Chỉnh sửa xong: 25/11/2025

Chấp nhận đăng: 15/02/2026

Xuất bản: 20/4/2026

Tóm tắt: Thơ có yếu tố tượng trung, siêu thực giữ vị trí quan trọng của thi ca hiện đại trên thế giới và Việt Nam; trong đó, ngôn ngữ, hình ảnh và cấu trúc nghệ thuật không chỉ phản ánh hiện thực mà còn kiến tạo một thế giới khác - thế giới của biểu tượng, của tiềm thức và liên tưởng phi lí. Thơ có yếu tố tượng trung, siêu thực thể hiện khuynh hướng đổi mới thi pháp, tìm kiếm cái đẹp trong chiều sâu vô thức và thế giới biểu tượng. Tuy nhiên, chính bởi đặc trưng ngôn ngữ giàu sự liên tưởng, cấu trúc phi tuyến tính và ý nghĩa đa tầng nên việc dạy học đọc hiểu loại văn bản thơ này ở trường phổ thông, đặc biệt trong Chương trình Giáo dục phổ thông môn Ngữ văn lớp 12 gặp không ít khó khăn. Trên cơ sở đó, nhóm tác giả tập trung nghiên cứu xây dựng bài tập đọc hiểu thơ có yếu tố tượng trung, siêu thực cho học sinh lớp 12 với mong muốn hỗ trợ giáo viên trong quá trình dạy học đọc hiểu văn bản thơ lớp 12 trong bối cảnh dạy học hiện nay.

Từ khóa: Bài tập, thơ, đọc hiểu văn bản thơ, tượng trung, siêu thực, môn Ngữ văn.

1. Đặt vấn đề

Trong Chương trình Giáo dục phổ thông môn Ngữ văn (2018) nói chung, Chương trình môn Ngữ văn lớp 12 nói riêng (Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2018), văn bản thơ luôn giữ vị trí quan trọng. Tuy nhiên, thơ trữ tình hiện đại, nhất là những tác phẩm thơ có yếu tố tượng trung, siêu thực lại đặt ra không ít khó

khăn cho cả giáo viên và học sinh do ngôn ngữ cô đọng, hình tượng phức tạp và tính đa nghĩa. Thực tiễn dạy học cho thấy, giáo viên còn nhiều lúng túng trong việc tổ chức hoạt động đọc hiểu loại văn bản này. Học sinh gặp trở ngại lớn trong việc khám phá, giải mã hình ảnh, biểu tượng, ý niệm nghệ thuật của văn bản, dẫn đến hiệu quả tiếp nhận chưa cao. Trong

khi đó, nhiều công trình nghiên cứu và thực nghiệm gần đây đã khẳng định rằng, việc thiết kế và vận dụng hệ thống bài tập chuyên biệt cho thơ có yếu tố tượng trưng, siêu thực có thể giúp học sinh rèn luyện chiến lược đọc hiểu, phát triển tư duy phản biện, khơi gợi hứng thú và nâng cao năng lực cảm thụ thẩm mỹ. Do đó, việc xây dựng bài tập đọc hiểu thơ có yếu tố tượng trưng, siêu thực cho học sinh lớp 12 là một hướng tiếp cận thiết thực và cần thiết.

2. Phương pháp nghiên cứu

Bài viết sử dụng phối hợp phương pháp phân tích, tổng hợp, so sánh, đối chiếu, hệ thống hóa các vấn đề lí luận có liên quan đến hệ thống bài tập trong đọc hiểu văn bản thơ có yếu tố tượng trưng siêu thực, bao gồm: Nghiên cứu tài liệu về tâm lí học, giáo dục học, về dạy học theo định hướng phát triển năng lực, lí thuyết đọc hiểu để xác định các vấn đề cơ sở lí luận; Nghiên cứu các tài liệu tham khảo, tài liệu về thơ, những đặc trưng của thơ, thơ có yếu tố tượng trưng siêu thực trong văn bản thơ, từ đó xây dựng bài tập đọc hiểu thơ có yếu tố tượng trưng, siêu thực trong dạy học môn Ngữ văn lớp 12.

3. Kết quả nghiên cứu

3.1. Một số vấn đề lí luận cơ bản về bài tập đọc hiểu văn bản thơ có yếu tố tượng trưng siêu thực

3.1.1. Bài tập đọc hiểu

a. Khái niệm bài tập đọc hiểu

Theo Từ điển Tiếng Việt, bài tập là: “*Bài ra cho học sinh làm để tập vận dụng những điều đã học. Ví dụ: bài tập đại số, bài tập về nhà*” (Hoàng Phê, 2014). Theo nhà nghiên cứu văn học Nguyễn Thanh Hùng (2009), bài tập đọc hiểu là: “*Hệ thống câu hỏi và yêu cầu được xây dựng trên cơ sở một văn bản nhằm định hướng cho học sinh tìm hiểu nội dung, hình thức và giá trị của văn bản ấy*”. Tác giả Trần Đình Sử (2013) khi bàn về dạy học Ngữ văn theo đặc trưng thể loại đã chỉ ra rằng: “*Bài tập đọc hiểu văn bản không chỉ giúp học sinh nắm bắt thông tin và tư tưởng trong văn bản mà còn rèn cho các em khả năng phân tích nghệ thuật, từ đó nâng cao năng lực cảm thụ thẩm mỹ*”. Quan điểm này khẳng định vai trò của bài tập đọc hiểu trong việc phát triển NL văn học.

Từ các quan niệm trên có thể thấy, bài tập đọc hiểu là hệ thống nhiệm vụ học tập được xây dựng trên cơ sở văn bản, nhằm giúp học sinh tiếp nhận, phân tích, đánh giá và vận dụng giá trị của văn bản trong đời sống. Chúng tôi cho rằng, bài tập đọc hiểu là một hệ thống nhiệm vụ học tập được thiết kế dựa trên văn bản hoặc trích đoạn văn bản, nhằm định

hướng học sinh khám phá nội dung, nghệ thuật, giá trị thẩm mỹ và ý nghĩa nhân sinh của văn bản; đồng thời rèn luyện năng lực giải mã, cảm thụ, phản biện và vận dụng tri thức vào thực tiễn.

b. Đặc điểm của bài tập đọc hiểu

Bài tập đọc hiểu có các đặc điểm cơ bản sau: 1) Được thiết kế theo trình tự từ thấp đến cao, đảm bảo tính phân bậc và logic sư phạm; 2) Gắn chặt với văn bản cụ thể, coi văn bản là trung tâm của hoạt động học tập; 3) Có tính mở, linh hoạt, khuyến khích sự sáng tạo và phát huy chủ kiến của HS; 4) Đa dạng về hình thức và đòi hỏi sự tham gia của nhiều kĩ năng đọc - hiểu khác nhau, từ nhận diện, phân tích đến đánh giá, phản hồi.

c. Phân loại bài tập đọc hiểu

Theo chức năng: Bài tập đọc hiểu có thể chia thành hai nhóm cơ bản: bài tập luyện tập - củng cố và bài tập kiểm tra đánh giá. Mỗi loại đều có mục đích sử dụng, điều kiện áp dụng, hệ thống câu hỏi thường dùng và cách minh họa riêng, tạo nên sự đa dạng, linh hoạt trong quá trình tổ chức dạy học.

Theo hình thức: Bài tập đọc hiểu thường được chia thành hai nhóm chính, đó là *bài tập đóng* và *bài tập mở*. Mỗi nhóm có đặc điểm, mục đích sử dụng và cách triển khai riêng, góp phần làm phong phú hệ thống bài tập đọc hiểu trong dạy học Ngữ văn.

Theo mục đích: Bài tập đọc hiểu có thể được phân chia thành các dạng: bài tập nhận biết, bài tập thông hiểu, bài tập vận dụng và bài tập vận dụng cao. Sự phân bậc này vừa phù hợp với thang tư duy Bloom, vừa đáp ứng định hướng phát triển năng lực trong Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 môn Ngữ văn.

d. Vai trò của bài tập đọc hiểu trong dạy học môn Ngữ văn ở trường trung học phổ thông

Đối với giáo viên: Bài tập đọc hiểu là phương tiện không thể thiếu để giáo viên tổ chức tiến trình dạy học, hiện thực hóa mục tiêu phát triển năng lực. Thông qua hệ thống bài tập được thiết kế phù hợp với từng giai đoạn (khởi động - hình thành kiến thức mới - luyện tập - vận dụng), giáo viên có thể: Hướng dẫn học sinh tự phát hiện, khám phá và khái quát kiến thức; Kiểm tra, đánh giá mức độ hiểu và vận dụng của học sinh; Gợi mở, dẫn dắt học sinh phản hồi sáng tạo với văn bản văn học.

Đối với học sinh: Bài tập đọc hiểu có vai trò hình thành, củng cố và phát triển toàn diện năng lực học văn: Giúp học sinh hiểu sâu văn bản, nắm vững ngôn ngữ, hình tượng, cảm xúc và tư tưởng nghệ

thuật; Phát triển tư duy ngôn ngữ và tư duy logic, thông qua các thao tác đọc - phân tích - khái quát - đánh giá; Rèn luyện phẩm chất trí tuệ và nhân cách, như: tính kiên trì, trung thực, tinh thần hợp tác, ý thức tự học và tự đánh giá; Bồi dưỡng tình yêu văn học, nuôi dưỡng cảm xúc thẩm mỹ và khả năng phản hồi sáng tạo.

3.1.2. Văn bản thơ có yếu tố tượng trưng, siêu thực

a. Khái niệm thơ

Theo Từ điển Văn học (1983): “*Thơ là hình thức sáng tác văn học phản ánh cuộc sống qua những tâm trạng, những cảm xúc dạt dào, những tưởng tượng mạnh mẽ trong một ngôn ngữ giàu hình ảnh và nhất là có nhịp điệu rõ ràng*”. Theo nhóm tác giả Lê Bá Hán, Trần Đình Sử, Nguyễn Khắc Phi (2005): “*Thơ là hình thức sáng tác văn học phản ánh cuộc sống, thể hiện những tâm trạng, những cảm xúc mạnh mẽ bằng ngôn ngữ hàm súc, giàu hình ảnh và nhất là có nhịp điệu*”. Chúng tôi đồng tình với các quan điểm trên và cho rằng: Thơ là một hình thức sáng tác văn học sớm nhất của nhân loại, bộc lộ trực tiếp thế giới chủ quan của con người. Thơ gửi gắm trong đó tâm trạng, cảm xúc, suy nghĩ, cảm nhận, nỗi niềm... của người sáng tác thông qua hệ thống ngôn từ ngắn gọn, hàm súc nhưng rất giàu ý nghĩa, giàu hình ảnh và nhịp điệu.

b. Yếu tố tượng trưng, siêu thực trong văn bản thơ

Theo Charles Baudelaire (1857), nhà thơ mở đầu cho khuynh hướng tượng trưng của Pháp, thơ là một hình thức “*Tương ứng bí ẩn*” giữa thế giới hiện thực và thế giới tinh thần, nơi “*Mỗi sự vật là một biểu tượng, mỗi biểu tượng là một cánh cửa mở ra thế giới vô hình*”. Quan niệm này khẳng định tính biểu tượng và sức gợi mở vô tận của hình ảnh thơ.

Jean Moréas (1886), trong *Tuyên ngôn tượng trưng*, nhấn mạnh: “*Nghệ thuật tượng trưng tìm cách khoác cho ý tưởng những hình thức cảm tính, để làm cho ý tưởng ấy trở nên dễ cảm nhận*”. Quan điểm này cho thấy, thơ tượng trưng đề cao sự gắn kết giữa trừu tượng và cụ thể giữa ý tưởng và hình ảnh.

Đến thế kỉ XX, trường phái siêu thực do André Breton (1924) khởi xướng lại mở rộng cánh cửa khác cho thi ca. Trong *Tuyên ngôn siêu thực* (1924), ông khẳng định: “*Siêu thực là sự vận hành thuần túy của tư tưởng, thoát khỏi mọi sự kiểm soát của lí trí và ngoài mọi quan tâm thẩm mỹ, đạo đức*”. Quan điểm này đề cao tính tự động của dòng liên tưởng, tính phi lí và khả năng khai thác vô thức, tiềm thức trong thơ.

Ở Việt Nam, Hoài Thanh và Hoài Chân (1942) khi bàn về Hàn Mặc Tử đã nhận xét: “*Thơ Hàn Mặc Tử*

hiều khi như những tiếng kêu đứt ruột, vừa thực vừa mơ, vừa trong sáng vừa ma quái”. Đây là một minh chứng cho sự ảnh hưởng và hòa nhập của khuynh hướng tượng trưng, siêu thực vào thi ca Việt Nam hiện đại. Ngoài ra, Đỗ Lai Thúy (1994) khi tiếp cận Hàn Mặc Tử từ kí hiệu học cũng cho rằng: “*Thơ siêu thực Việt Nam, đặc biệt là Hàn Mặc Tử, đã giải phóng ngôn từ khỏi logic tường minh, mở ra một hệ thống hình ảnh phi lí nhưng giàu sức gợi*”.

Nhóm tác giả biên soạn sách giáo khoa Ngữ văn 12 bộ sách Cánh diều cho rằng: “*Thơ có yếu tố tượng trưng là thơ có những hình ảnh mang tính biểu tượng, gợi cho người đọc những ý niệm, hoặc gợi lên một liên tưởng sâu xa*”. Cụ thể, trong Bài 8, Sách giáo khoa Ngữ văn 12, tập hai, bộ Cánh diều, các tác giả cho rằng: “*Thơ có yếu tố siêu thực là thơ có những hình ảnh hư ảo, mơ hồ, trừu tượng, khó hình dung, khó lí giải một cách tường minh. Những hình ảnh này là sự thể hiện của thế giới siêu thực - thế giới được cảm nhận trong giấc mơ hoặc trong tiềm thức. Yếu tố siêu thực còn thể hiện ở cách viết phóng túng, đề cao những liên tưởng tự do, không cần sử dụng dấu câu và tuân thủ trật tự ngữ pháp; dòng thơ, câu thơ được tổ chức theo hướng lạ hóa, phi lô - gich với sự kết hợp bất thường của các từ ngữ, hình ảnh*”.

Từ các quan điểm trên, có thể rút ra một số đặc trưng của thơ mang yếu tố tượng trưng và yếu tố siêu thực như sau:

(1) Thơ có yếu tố tượng trưng

- *Đặc điểm*: Dùng các sự vật, nhân vật, hành động cụ thể để đại diện cho một ý nghĩa sâu sắc, trừu tượng.

- *Mục đích*: Gợi mở, gợi cảm giác và suy ngẫm về những điều vượt ra ngoài nghĩa đen của sự vật, hiện tượng.

- *Cách thức*: Sử dụng biểu tượng một cách dày đặc, đôi khi mang tính triết lí sâu xa.

Ví dụ: Trong bài thơ “*Lá diêu bông*” của Hoàng Cầm, “*chiếc lá không có thật*” là biểu tượng cho khát khao và hoài niệm. Hình ảnh ấy vốn là một hình ảnh hư cấu xuất hiện trong tâm trí ông lúc chập chờn giữa giấc mơ thay vì tồn tại trong thực tế. Chiếc lá này thuộc về một loài hoa trong mộng tưởng được gọi là “*hoa phiêu diêu*” hay “*hoa trong mộng tưởng*” trở thành biểu tượng cho tình yêu trong sáng, đẹp đẽ, mong manh và cũng đầy xa vời.

(2) Thơ có yếu tố siêu thực

- *Đặc điểm*: Xây dựng hình ảnh phi lí, kì lạ, mơ hồ, không theo logic thông thường.

- *Mục đích*: Thể hiện thế giới nội tâm, tiềm thức,

giác mơ, ảo giác của nhà thơ.

- *Cách thức*: Kết hợp các yếu tố thực và ảo một cách bất ngờ; sử dụng ngôn ngữ liên tưởng tự do, đặt những từ ngữ xa lạ cạnh nhau; khám phá sâu vào thế giới vô thức, giấc mơ.

Ví dụ: Hình ảnh “*Lorca bơi sang ngang trên chiếc ghita màu bạc*” trong thơ Thanh Thảo là một sự kết hợp kì lạ, tạo hiệu ứng siêu thực. Hình ảnh ấy gợi cho người đọc liên tưởng Lorca bơi sang ngang trên dòng sông rộng vô cùng giữa hai bờ sinh tử, cho thấy chàng nghệ sĩ lãng du đã tìm cho mình cách gỡ từ cuộc đời nhẹ nhàng nhất, không còn vướng bận vào những ràng buộc chốn trần gian, không buông xuôi theo dòng cũng không ngược dòng để vùng vẫy chống chọi hay trì hoãn... Từ đó, có thể thấy được điểm tương đồng và khác biệt giữa thơ có yếu tố tượng trưng và thơ có yếu tố siêu thực như sau:

Điểm tương đồng: Cả thơ tượng trưng và thơ siêu thực đều đề cao tính biểu tượng, xem hình ảnh thơ như những mã nghệ thuật giàu sức gợi mở; Khai thác liên tưởng đa tầng, nối kết thế giới thực tại với thế giới vô hình, tâm linh; Vượt thoát khỏi logic đời thường, hướng đến phi lí, mộng mị, tiềm thức và vô thức; Ngôn ngữ thơ trở thành hệ thống kí hiệu nghệ thuật tự do, đa nghĩa, giàu sức gợi.

Điểm khác biệt: Thơ có yếu tố tượng trưng tập trung và ý niệm và biểu tượng. Thơ có yếu tố siêu thực tập trung vào việc khám phá thế giới tiềm thức; tạo ra những hình ảnh mộng mị, phi lí.

Trong nghiên cứu này, chúng tôi quan niệm rằng: Thơ có yếu tố tượng trưng, siêu thực là loại hình thơ hiện đại, trong đó ngôn ngữ, hình ảnh và cấu trúc nghệ thuật không chỉ phản ánh hiện thực mà còn kiến tạo một thế giới khác - thế giới của biểu tượng, của tiềm thức và liên tưởng phi lí. Đặc trưng này không chỉ mở rộng biên độ biểu đạt của thơ mà còn góp phần khơi gợi trí tưởng tượng sáng tạo, năng lực thẩm mĩ ở người đọc, đặc biệt là học sinh trung học phổ thông khi tiếp nhận văn bản thơ trong bối cảnh dạy học môn Ngữ văn hiện nay.

3.1.3. *Dạy học đọc hiểu văn bản thơ có yếu tố tượng trưng siêu thực*

a. Mục tiêu

Dạy học đọc hiểu văn bản thơ có yếu tố tượng trưng, siêu thực hướng đến những mục tiêu sau đây:

Nhận biết: Chỉ ra tín hiệu thẩm mĩ của văn bản (trường từ vựng, nhạc điệu, hình ảnh/biểu tượng, cấu trúc cú pháp “lạ”).

Hiểu: Giải thích tác dụng của biểu tượng/đối

lập/điệp âm - điệp cú trong biểu đạt cảm thức tượng trưng - siêu thực.

Vận dụng: So sánh - liên hệ liên văn bản; phân hồi cá nhân/ứng dụng vào bối cảnh sống; trình bày miệng/viết ngắn theo chuẩn học thuật.

Thái độ - phẩm chất: Tôn trọng khác biệt tiếp nhận; nuôi dưỡng trí tưởng tượng, cảm thụ thẩm mĩ và ý thức nhân văn.

b. *Nội dung dạy học hiểu theo đặc trưng tượng trưng, siêu thực*

Hướng dẫn nhận diện tín hiệu nghệ thuật: Giáo viên tổ chức cho học sinh phát hiện và gạch chân các tín hiệu thẩm mĩ đặc trưng: nhịp - vần - điệu, chuỗi hình ảnh trung tâm, trường liên tưởng quen thuộc (ánh sáng/bóng tối, trắng/hoa, nước/gió...). Học sinh thực hành phân loại và bước đầu nêu nhận xét về chức năng gợi cảm, gợi hình của các tín hiệu.

Tổ chức giải mã biểu tượng - mã hoá: giáo viên gợi mở để học sinh lí giải tầng nghĩa từ trường minh đến hàm ẩn của các hình ảnh thơ. Học sinh tập vận dụng trực liên tưởng (tự nhiên ↔ tâm linh; cụ thể ↔ trừu tượng) để kiến tạo ý nghĩa, trình bày lí giải bằng dẫn chứng văn bản.

Rèn luyện phân tích kết cấu - cú pháp đặc thù: Giáo viên hướng dẫn học sinh chú ý đến các cú pháp gián đoạn, đảo trật tự, phi logic. Học sinh phân tích tác động của kiểu cú pháp này ở việc tạo cảm thức mơ hồ, mộng mị đặc trưng cho phong cách tượng trưng, siêu thực.

Phát hiện và thảo luận giọng điệu - chủ thể trữ tình: Giáo viên định hướng học sinh nhận ra sự dịch chuyển điểm nhìn, thay đổi giọng điệu (ám gợi, hoang mang, xuất thần). Học sinh thảo luận để lí giải vai trò của giọng điệu trong việc biểu đạt tâm trạng và tư tưởng nghệ thuật của văn bản.

Tổ chức hoạt động liên văn bản - liên ngành: Giáo viên cung cấp tư liệu hội họa, âm nhạc thuộc trường phái tượng trưng, siêu thực để học sinh đối chiếu. Học sinh thực hiện so sánh mô-típ, màu sắc, tiết tấu trong thơ với các loại hình nghệ thuật khác, qua đó mở rộng trường liên tưởng và tăng cường khả năng đối thoại văn bản.

3.2. *Định hướng xây dựng bài tập đọc hiểu văn bản thơ có yếu tố tượng trưng, siêu thực trong môn Ngữ văn lớp 12*

a. Xác định mục đích

Mỗi bài tập đọc hiểu cần phải thực hiện một nhiệm vụ, một yêu cầu cụ thể của nội dung bài học, tiết học. Bài tập chính là một hoạt động giáo dục mà

giáo viên yêu cầu học sinh thực hiện để đạt được mục tiêu học tập nhất định.

b. Xác định đối tượng học sinh

Trong dạy học Ngữ văn nói chung và dạy học đọc hiểu văn bản thơ có yếu tố tượng trưng, siêu thực nói riêng, đối tượng học sinh có thể được xem xét trên hai phương diện chính: đối tượng cá nhân và đối tượng tập thể (nhóm học sinh).

Bài tập dành cho cá nhân học sinh: Hướng đến việc kiểm tra và rèn luyện các kỹ năng cơ bản như: nhận diện hình ảnh thơ, giải mã biểu tượng, phân tích ngôn ngữ nghệ thuật, phát hiện yếu tố siêu thực trong cấu trúc văn bản, hoặc trình bày cảm nhận cá nhân về một khía cạnh nội dung - nghệ thuật của tác phẩm.

Bài tập dành cho nhóm học sinh: Không chỉ giúp học sinh cùng nhau khám phá văn bản mà còn rèn luyện năng lực giao tiếp, thảo luận, trình bày và phản biện - những năng lực quan trọng trong định hướng giáo dục phát triển phẩm chất và năng lực hiện nay.

c. Xác định nội dung bài tập đọc hiểu phù hợp với các mức độ nhận thức của học sinh

Nội dung bài tập đọc hiểu có thể được triển khai theo bốn mức độ nhận thức cơ bản sau:

Mức độ nhận biết: Giúp học sinh nhận diện các yếu tố hình thức, nghệ thuật, từ ngữ, hình ảnh, biểu tượng trong văn bản thơ.

Mức độ thông hiểu: Yêu cầu học sinh giải thích, lí giải ý nghĩa của hình ảnh, biểu tượng, ngôn ngữ thơ, qua đó hiểu được tư tưởng và cảm xúc của tác giả.

Mức độ vận dụng: Học sinh vận dụng kiến thức để phân tích, so sánh, khái quát đặc điểm nghệ thuật hoặc nội dung tư tưởng của văn bản. Ví dụ: So sánh hình ảnh thơ trong *Tràng giang* (Huy Cận) với *Đây thôn Vĩ Dạ* (Hàn Mặc Tử) để thấy được nét khác biệt trong cảm hứng tượng trưng và siêu thực.

Mức độ vận dụng cao: Khuyến khích học sinh sáng tạo, thể hiện quan điểm, cảm xúc, cách lí giải riêng, liên hệ với thực tiễn hoặc các văn bản khác. Ví dụ: Trình bày cảm nhận của anh/chị về quan niệm nghệ thuật của Thanh Thảo qua hình tượng Lorca trong bài *Đàn ghi-ta của Lorca*; viết một đoạn thơ hoặc đoạn văn ngắn thể hiện cảm xúc của bản thân về cái đẹp mang tinh thần tượng trưng, siêu thực.

Bên cạnh đó, tùy theo nội dung và mục tiêu của từng bài học cụ thể, giáo viên có thể lựa chọn hình thức thể hiện bài tập phù hợp: 1) Bài tập trắc nghiệm khách quan; 2) Bài tập tự luận; 3) Bài tập cá nhân; 4) Bài tập nhóm; 5) Bài tập trên lớp; 6) Bài tập ở nhà...

d. Xác định thời gian thực hiện bài tập đọc hiểu văn bản thơ có yếu tố tượng trưng, siêu thực cho học sinh lớp 12

Bài tập thực hiện trên lớp: Đây là loại bài tập được tổ chức trong thời gian của tiết học, thường do giáo viên giao và hướng dẫn học sinh thực hiện trực tiếp trong quá trình giảng dạy. Thời gian dành cho bài tập trên lớp thường ngắn (từ 3 - 10 phút) hoặc kéo dài cả tiết học tùy theo mức độ phức tạp của nội dung.

Bài tập thực hiện ở nhà: Đây là loại bài tập mở rộng, giúp học sinh củng cố, vận dụng và phát triển kiến thức sau tiết học. Thời gian thực hiện bài tập ở nhà thường dài hơn (1 - 2 ngày hoặc 1 tuần), tùy theo yêu cầu và độ khó của bài tập. Giáo viên có thể giao bài tập ở nhà với mục tiêu: 1/ Củng cố, khái quát hóa kiến thức đã học; 2/ Rèn luyện năng lực tự học, tự phân tích và cảm thụ văn học; 3/ Khuyến khích sáng tạo và mở rộng liên hệ.

3.3. Các bước xây dựng bài tập đọc hiểu văn bản thơ có yếu tố tượng trưng, siêu thực trong môn Ngữ văn lớp 12

Bước 1: Tìm hiểu Chương trình, Sách giáo khoa Ngữ văn 12 để hiểu rõ hơn nội dung bài tập đọc hiểu, từ đó xây dựng bài tập đọc hiểu cho các hoạt động.

Việc tìm hiểu kĩ Chương trình và Sách giáo khoa giúp giáo viên xác định được: 1/ Vị trí, vai trò của các văn bản thơ có yếu tố tượng trưng, siêu thực trong chương trình môn học; 2/ Mục tiêu cần đạt về kiến thức, kĩ năng, thái độ và năng lực đọc hiểu mà bài học hướng tới; 3/ Những đặc trưng về nội dung, hình thức nghệ thuật, phong cách sáng tác của từng tác giả, tác phẩm. Từ đó, giáo viên có thể xác định hướng thiết kế bài tập đọc hiểu phù hợp với từng văn bản, đảm bảo sự gắn kết chặt chẽ giữa bài tập và yêu cầu Chương trình.

Ví dụ: Khi nghiên cứu Chương trình Giáo dục phổ thông môn Ngữ văn 12, giáo viên nhận thấy *Đàn ghi-ta của Lorca* (Thanh Thảo) là văn bản tiêu biểu thể hiện đặc trưng của thơ tượng trưng, siêu thực hiện đại Việt Nam. Vì vậy, khi xây dựng hệ thống bài tập đọc hiểu, cần hướng đến việc giúp học sinh nhận diện được ngôn ngữ biểu tượng, hình ảnh phi thực, mạch cảm xúc phi tuyến tính - những đặc điểm đặc trưng của thơ siêu thực.

Bước 2: Xác định vị trí, mục đích của bài tập đọc hiểu

a) *Xác định vị trí của bài tập đọc hiểu trong tiến trình dạy học:*

Giai đoạn trước khi đọc: Các bài tập ở giai đoạn này nhằm khơi gợi hứng thú học tập, kích hoạt kiến thức nền và chuẩn bị tâm thế tiếp nhận cho học sinh.

Giai đoạn trong khi đọc: Đây là thời điểm trọng tâm để phát triển năng lực đọc hiểu. Các bài tập được xây dựng nhằm giúp học sinh phát hiện, lí giải và phân tích những yếu tố tượng trưng, siêu thực trong thơ.

Giai đoạn sau khi đọc: Các bài tập ở giai đoạn này nhằm củng cố, mở rộng, khái quát hóa kiến thức và phát triển tư duy liên hệ, vận dụng. Ví dụ: Sau khi học bài *Vội vàng* (Xuân Diệu), giáo viên có thể giao bài tập: “*Liên hệ cảm hứng sống vội vàng, cuồng nhiệt trong thơ Xuân Diệu với tình thân khát khao tự do nghệ thuật trong bài Đàn ghi-ta của Lorca của Thanh Thảo.*” → Bài tập này giúp học sinh không chỉ củng cố tri thức mà còn mở rộng khả năng so sánh, liên hệ liên văn bản, nâng cao năng lực tư duy văn học.

Việc xác định chính xác vị trí của bài tập trong tiến trình dạy học sẽ giúp giáo viên sử dụng hợp lí thời lượng, lựa chọn hình thức tổ chức thích hợp (cá nhân, nhóm, thảo luận, trình bày), qua đó nâng cao tính hiệu quả của giờ học đọc hiểu.

b) Xác định mục đích của bài tập đọc hiểu:

Củng cố kiến thức và phát triển kĩ năng đọc hiểu: Bài tập giúp học sinh nhận diện được các tín hiệu nghệ thuật mang tính tượng trưng, siêu thực (hình ảnh, biểu tượng, ngôn ngữ, cấu tứ, không gian, thời gian, giọng điệu). Ví dụ: “Chỉ ra những hình ảnh phi thực trong bài *Đàn ghi-ta của Lorca* và nêu tác dụng của chúng đối với cảm xúc bài thơ.”

Phát triển năng lực tư duy và cảm thụ thẩm mĩ: Bài tập hướng đến việc giúp học sinh giải mã hình tượng thơ, hiểu được tầng sâu ý nghĩa biểu tượng và cảm xúc nghệ thuật của tác phẩm. Ví dụ: “Phân tích ý nghĩa tượng trưng của không gian sông nước trong bài *Tràng giang* để làm rõ nỗi cô đơn của con người thời tiền chiến.”

Bồi dưỡng năng lực sáng tạo và liên hệ: Một số bài tập hướng học sinh vận dụng kiến thức đã học để thể hiện cảm xúc, liên hệ thực tiễn hoặc sáng tạo sản phẩm học tập. Ví dụ: “Viết một đoạn thơ ngắn thể hiện cảm xúc của anh/chị về vẻ đẹp và nỗi cô đơn của con người trong thế giới hiện đại, gợi từ cảm hứng trong *Tràng giang* của Huy Cận.”

Bước 3: Xây dựng bài tập đọc hiểu phù hợp với các mức độ nhận thức của học sinh

a. *Bài tập ở mức độ nhận biết:* Đây là dạng bài tập cơ bản và quan trọng nhất trong hệ thống bài tập đọc hiểu văn bản thơ có yếu tố tượng trưng, siêu thực. Mục tiêu trực tiếp là giúp HS nhận ra đúng các “tín hiệu nghệ thuật” cốt lõi của văn bản (từ ngữ, hình

ảnh, nhạc điệu, biểu tượng trung tâm, cấu trúc cú pháp đặc biệt), từ đó hình thành năng lực phát hiện, quan sát và định vị những chi tiết mang sắc thái tượng trưng, siêu thực.

b. *Bài tập ở mức độ thông hiểu:* Đây là dạng bài tập mang tính bản lề trong hệ thống bài tập đọc hiểu văn bản thơ có yếu tố tượng trưng, siêu thực, bởi nó giúp học sinh chuyển từ giai đoạn nhận diện tín hiệu nghệ thuật sang giai đoạn giải mã ý nghĩa biểu tượng. Nếu bài tập nhận biết giúp học sinh “thấy được cái gì” thì bài tập thông hiểu hướng tới “hiểu được tại sao và như thế nào”. Trong thơ tượng trưng, siêu thực, ngôn ngữ thơ thường giàu hình ảnh ẩn dụ, phi logic và đa nghĩa.

Mục tiêu của dạng bài tập này là giúp học sinh thâm nhập vào chiều sâu ý nghĩa của văn bản, hiểu được mối quan hệ giữa hình tượng nghệ thuật và cảm xúc trữ tình, giữa ngôn ngữ và tư tưởng, giữa cái cụ thể và cái khái quát, qua đó hình thành năng lực giải mã ngôn ngữ biểu tượng - một NL đặc thù trong tiếp nhận thơ tượng trưng, siêu thực.

Các bài tập ở mức độ thông hiểu có thể triển khai dưới nhiều hình thức: 1/ Giải thích tác dụng của chi tiết nghệ thuật (hình ảnh, biểu tượng, nhạc tính, từ ngữ, cấu trúc); 2/ Phân tích mối quan hệ hình ảnh - cảm xúc, biểu tượng - tư tưởng; 3/ So sánh nội bộ văn bản (giữa các khổ thơ, các hình tượng); 4/ Khái quát ý nghĩa đoạn thơ hoặc phong cách nghệ thuật qua các yếu tố tượng trưng, siêu thực.

Cấu trúc cơ bản của bài tập thông hiểu thường gồm ba yêu cầu: 1) Xác định hình tượng hoặc chi tiết nghệ thuật cần phân tích; 2) Giải thích, lí giải ý nghĩa biểu tượng hoặc giá trị biểu cảm của hình tượng đó; 3) Khái quát tư tưởng, cảm xúc, hoặc triết lí được thể hiện thông qua hình tượng.

c. *Bài tập ở mức độ vận dụng:* Trong dạy học đọc hiểu thơ có yếu tố tượng trưng, siêu thực, dạng bài tập vận dụng đặc biệt quan trọng, bởi nó giúp học sinh xem văn học như một dòng chảy liên tục của tư tưởng và cảm xúc nhân loại, không tách rời đời sống mà luôn gắn bó, phản chiếu và mở rộng đến những không gian, thời gian khác nhau.

Mục tiêu: 1/ Giúp học sinh mở rộng và củng cố tri thức, rèn luyện năng lực phân tích, tổng hợp, khái quát hóa; 2/ Phát triển tư duy liên văn bản và kĩ năng phản biện, ứng dụng tri thức vào thực tiễn; 3/ Khơi dậy cảm xúc thẩm mĩ gắn liền với suy tư nhân sinh, hình thành năng lực học tập chủ động, linh hoạt, sáng tạo.

Các bài tập vận dụng có thể được tổ chức linh hoạt theo nhiều hình thức cụ thể như sau:

Liên hệ - so sánh liên văn bản: Giúp học sinh đối chiếu giữa các hình tượng, biểu tượng, cảm hứng nghệ thuật trong những tác phẩm cùng hoặc khác thời kì, qua đó phát hiện điểm gặp gỡ và khác biệt.

Gắn với trải nghiệm đời sống: Học sinh vận dụng tri thức để lí giải những vấn đề của thực tế, qua đó nhận thấy giá trị nhân văn của văn học trong đời sống con người.

Đối chiếu đa chiều: Giúp học sinh nhận thức hệ thống, tư duy khái quát, mở rộng tầm nhìn về phong cách và giá trị nghệ thuật.

Tạo sản phẩm học tập: Học sinh vận dụng tri thức để trình bày hiểu biết của mình thông qua sản phẩm sáng tạo như sơ đồ tư duy, poster, bài trình chiếu, diễn thuyết hoặc tiểu phẩm.

- Cấu trúc, gồm: 1/ Đặt học sinh trước một tình huống mới hoặc vấn đề mở (trong hoặc ngoài văn bản); 2/ Yêu cầu học sinh vận dụng tri thức, kĩ năng đã học để phân tích, lí giải hoặc so sánh; 3/ Khuyến khích học sinh rút ra kết luận, quan điểm cá nhân, thể hiện sự sáng tạo tư duy.

d. Bài tập ở mức độ vận dụng cao: Đây là mức độ cao nhất trong hệ thống bài tập đọc hiểu, hướng đến việc phát triển năng lực tư duy sáng tạo, phản biện và tự biểu đạt của học sinh. Nếu ở mức vận dụng, học sinh đã biết kết nối và liên hệ, thì ở mức vận dụng cao, các em chủ động sáng tạo tri thức, bày tỏ quan điểm cá nhân, kiến tạo ý nghĩa mới từ văn bản.

Đặc trưng của dạng bài tập này là tính mở, đa hướng, khuyến khích người học suy nghĩ độc lập và sáng tạo, vượt qua khuôn mẫu có sẵn để thể hiện cách hiểu, cảm xúc và trải nghiệm riêng. Bài tập vận dụng cao giúp học sinh biến hoạt động đọc hiểu thành quá trình đối thoại với văn bản, với tác giả và với chính bản thân mình.

Mục tiêu: 1) Phát triển tư duy phản biện, năng lực sáng tạo và khả năng tự biểu đạt; 2) Khuyến khích học sinh tái tạo hoặc sáng tác mới dựa trên văn bản, thể hiện cảm xúc và quan điểm cá nhân; 3) Giúp HS vận dụng tri thức văn học vào nhận thức nhân sinh, định hướng giá trị sống của bản thân; 4) Góp phần hình thành năng lực giao tiếp, hợp tác, trình bày đa phương tiện (nói, viết, trình chiếu, nghệ thuật).

Hình thức, gồm: Viết sáng tạo và nhập vai: Bài tập phản biện, trình bày quan điểm cá nhân; Sáng tạo sản phẩm nghệ thuật (đa phương tiện); Liên hệ, mở rộng và tái kiến tạo tri thức.

Cấu trúc nội dung bài tập vận dụng cao, bao gồm: 1) Tình huống gợi mở: vấn đề, câu nói, hình ảnh, biểu tượng hoặc thông điệp nghệ thuật; 2) Yêu cầu sáng tạo: Học sinh phải phản hồi, sáng tác, hoặc trình bày quan điểm cá nhân; 3) Hướng dẫn biểu đạt: bằng lời viết, lời nói, hình ảnh, hoặc phương tiện nghệ thuật khác; 4) Đánh giá mở: chú trọng sự sáng tạo, chiều sâu cảm xúc, khả năng lí giải và cách thể hiện cá nhân, không áp đặt “đáp án đúng - sai”.

Ví dụ: Bài tập phản biện: “Có ý kiến cho rằng: ‘*Thơ tượng trưng, siêu thực tuy khó hiểu nhưng lại là đỉnh cao của cảm xúc và tự do sáng tạo.*’ Em có đồng ý với nhận định này không? Hãy trình bày quan điểm của mình qua việc liên hệ với một bài thơ đã học.” Bài tập yêu cầu học sinh vận dụng tri thức đọc hiểu để lập luận, phản biện, đồng thời thể hiện quan điểm cá nhân. Qua quá trình viết, học sinh rèn được tư duy logic, khả năng diễn đạt, và tinh thần độc lập trong tiếp nhận văn học.

Bước 4: Phân tích, chỉnh sửa, hoàn thiện bài tập

a. Mục đích: Bước phân tích, chỉnh sửa và hoàn thiện bài tập nhằm: 1/ Đảm bảo tính chính xác, khoa học và sự phạm trong nội dung, hình thức và yêu cầu của từng bài tập; 2/ Đánh giá mức độ phù hợp giữa bài tập với mục tiêu bài học, đối tượng học sinh và định hướng năng lực cần hình thành; 3/ Phát hiện và khắc phục những hạn chế, sai lệch hoặc trùng lặp trong hệ thống bài tập; 4/ Tạo nên một cấu trúc bài tập hợp lí, logic và có tính kế thừa - phát triển, từ dễ đến khó, từ nhận biết đến vận dụng sáng tạo.

b. Nội dung và cách tiến hành:

Giai đoạn 1: Phân tích bài tập đã xây dựng. Ở giao đoạn này, giáo viên cần xem xét kĩ từng bài tập trong hệ thống theo các tiêu chí cụ thể: 1) Tính mục tiêu: Bài tập có đáp ứng đúng mục đích đề ra trong bài học hay không? Có giúp học sinh phát triển năng lực đọc hiểu, tư duy thẩm mĩ, sáng tạo hay không? 2) Tính nội dung: Câu hỏi, yêu cầu của bài tập có phù hợp với đặc trưng của thơ tượng trưng, siêu thực không? Có bám sát văn bản, phản ánh đúng tinh thần tác phẩm không? 3) Tính ngôn ngữ: Ngôn từ diễn đạt có rõ ràng, chuẩn xác, mang tính gợi mở hay không? Tránh các câu hỏi mơ hồ, nặng về lí thuyết, thiếu khả năng kích thích tư duy người học. 4) Tính mức độ: Mức độ khó dễ của bài tập có hợp lí, có đảm bảo tính phân hóa đối tượng học sinh không? 5) Tính logic - hệ thống: Các bài tập có được sắp xếp theo trình tự hợp lí (từ nhận biết đến vận dụng, từ cá nhân đến nhóm) hay không?

Giai đoạn 2: Chỉnh sửa và điều chỉnh nội dung, hình thức. Sau khi phân tích, giáo viên tiến hành điều chỉnh, bổ sung hoặc lược bỏ những bài tập chưa phù hợp. Việc chỉnh sửa cần dựa trên ba định hướng cơ bản:

Điều chỉnh về nội dung: Lược bỏ những bài tập trùng lặp hoặc xa rời trọng tâm bài học.

Sửa lại yêu cầu, bổ sung dẫn chứng, ví dụ cụ thể để bài tập rõ ràng và khả thi hơn; Đảm bảo bài tập hướng đến việc phát triển năng lực người học, không chỉ dừng ở tái hiện kiến thức.

Điều chỉnh về hình thức: Cần nhắc chuyển đổi hình thức trình bày (trắc nghiệm - tự luận, cá nhân - nhóm, trên lớp - ở nhà) để tăng tính hấp dẫn và hiệu quả; Rút gọn, sắp xếp lại câu hỏi cho hợp lí, tránh quá dài, nặng tính kiểm tra, thiếu tính gợi mở.

Điều chỉnh về mức độ tư duy: Bổ sung các câu hỏi vận dụng và vận dụng cao, khuyến khích sáng tạo, phản biện; Tăng cường bài tập gắn với trải nghiệm cá nhân, liên hệ đời sống, giúp HS “sống cùng tác phẩm”.

Giai đoạn 3: Hoàn thiện và kiểm nghiệm tính hiệu quả. Sau khi chỉnh sửa, giáo viên cần thử nghiệm hoặc trao đổi trong tổ chuyên môn để đánh giá hiệu quả thực tiễn của bài tập. Việc hoàn thiện có thể thông qua: 1) Dạy thực nghiệm trên lớp để quan sát phản hồi của học sinh; 2) Thu thập ý kiến của giáo viên và học sinh về mức độ hứng thú, khả năng đáp ứng và hiệu quả nhận thức; 3) Điều chỉnh cuối cùng

dựa trên kết quả thực nghiệm để hệ thống bài tập hoàn thiện về cả nội dung lẫn hình thức.

Bước phân tích, chỉnh sửa và hoàn thiện bài tập có vai trò quan trọng, thể hiện tính khoa học và tính chuyên nghiệp trong quá trình xây dựng bài tập đọc hiểu: 1/ Giúp giáo viên tự đánh giá và điều chỉnh tư duy thiết kế bài học, nâng cao năng lực nghiên cứu và sáng tạo trong dạy học Ngữ văn; 2/ Giúp bài tập trở nên chính xác, chặt chẽ, hấp dẫn và phù hợp với nhiều đối tượng học sinh khác nhau; 3/ Đảm bảo bài tập không chỉ là phương tiện kiểm tra kiến thức mà còn là công cụ phát triển năng lực tư duy, cảm thụ và sáng tạo; 4/ Góp phần nâng cao chất lượng và hiệu quả của giờ học đọc hiểu, đặc biệt với các văn bản thơ có yếu tố tượng trưng, siêu thực vốn đòi hỏi khả năng cảm thụ tinh tế và tư duy nghệ thuật cao.

4. Kết luận

Thơ có yếu tố tượng trưng, siêu thực chiếm vị trí quan trọng trong thi ca hiện đại thế giới và Việt Nam. Trong quá trình dạy học đọc hiểu văn bản thơ có yếu tố tượng trưng, siêu thực ở trường trung học phổ thông, việc xây dựng bài tập đọc hiểu phù hợp với các mức độ nhận thức của học sinh giữ vai trò then chốt. Bài tập không chỉ giúp học sinh từng bước tiếp cận văn bản từ tín hiệu nghệ thuật, hiểu và phân tích giá trị thẩm mỹ của văn bản mà còn giúp học sinh mở rộng khả năng vận dụng vào thực tế đời sống.

Tài liệu tham khảo

André Breton (1924), *Manifeste du surréalisme*, KRA, Paris.

Bộ Giáo dục và Đào tạo (2018), *Chương trình Giáo dục phổ thông môn Ngữ văn*.

Charles Baudelaire (1857), *Les Fleurs du mal (Hoa ác)*, Poulet-Malassis.

Đỗ Lai Thúy (1994), *Mắt thơ*, NXB Văn hóa - Thông tin, Hà Nội.

Hoài Thanh - Hoài Chân (1942), *Thi nhân Việt Nam*, NXB Vĩnh Thịnh.

Jean Moréas (1886), *Manifeste du symbolisme*, Paris.

Lê Bá Hán, Trần Đình Sử, Nguyễn Khắc Phi (đồng chủ biên) (2007), *Từ điển Thuật ngữ Văn học*, NXB Giáo dục, Hà Nội.

Nhiều tác giả (1983), *Từ điển Văn học*, tập 2, NXB Khoa học Xã hội, Hà Nội.

Nguyễn Thanh Hùng (2009), *Dạy học đọc hiểu văn bản Ngữ văn ở trường phổ thông*, NXB Giáo dục, Hà Nội.

Trần Đình Sử (2013), *Lí luận và phương pháp dạy học văn*, NXB Đại học Sư phạm, Hà Nội.